

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TVV VIỆT NAM

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ

Số: 13/VN-CBSP/2018

Sản phẩm: Mỳ Tokyo vị gà

HỒ SƠ GỒM CÓ:

1. Bản tự công bố sản phẩm
2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm
3. Hình ảnh mẫu sản phẩm

Hà Nội, tháng 6 năm 2018



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13/VN-CBSP/2018

I. Thông tin về tổ chức công bố sản phẩm

- Công ty TNHH Thương Mại và dịch vụ TVV Việt Nam
- Địa chỉ: Số 320, đường Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0985816966
- Mã số doanh nghiệp (MST): 0107063242

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Mỳ Tokyo vị Gà
2. Thành phần: Bột mỳ (Có chứa Gluten), dầu dừa (có chứa đậu nành), mỡ lợn, muối, xì dầu, thịt chế biến, rau chế biến, đường, gia vị, tinh bột chế biến, chất điều vị, chất điều chỉnh độ axit, chất làm dày, chất chống oxy hóa
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 180 ngày kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - 30g/miếng, 120g/túi (4 miếng/túi)
 - Sản phẩm đóng trong túi PE
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:
 - Công ty: TOKYO NOODLE CO., LTD
 - Địa chỉ: 1079-1, Fukui-cho, Ashikaga-shi, Tochigi, Japan, Nhật Bản

III. Mẫu nhãn sản phẩm (nhãn sản phẩm đính kèm)

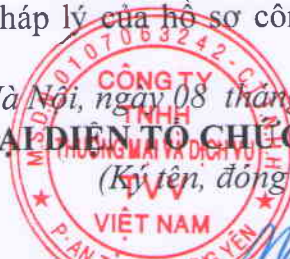
IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm ;
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2018
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ CỦA SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Mỳ Tokyo vị gà
2. Khối lượng: 30g/miếng, 120g/túi (4 miếng/túi)
3. Hạn sử dụng: 180 ngày kể từ ngày sản xuất
4. Thành phần: Bột mỳ (Có chứa Gluten), dầu dừa (có chứa đậu nành), mỡ lợn, muối, xì dầu, thịt chế biến, rau chế biến, đường, gia vị, tinh bột chế biến, chất điều vị, chất điều chỉnh độ axit, chất làm dày, chất chống oxi hóa
5. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:
 - Bảo quản tại nhiệt độ khô thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp
 - Ăn trực tiếp sản phẩm không cần chế biến như một món snack hoặc nghiền nát sợi mì rắc lên Pizza và thưởng thức
 - Dùng với nước nóng như món súp: Cho vắt mỳ vào cốc (bát), rót thêm nước nóng và để trong vòng 3 phút
 - Chế biến món mỳ nóng: Cho mỳ, nước nóng và thêm món ăn
6. Nhà sản xuất:
 - Công ty: TOKYO NOODLE CO., LTD
 - Địa chỉ: 1079-1, Fukui-cho, Ashikaga-shi, Tochigi, Japan, Nhật Bản
7. Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm
 - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TVV Việt Nam
 - Địa chỉ: số 320, đường Nguyễn Văn Linh, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
 - Điện thoại: 0985816966

12-
Y
DỊCH
AM
HUNG Y

HÌNH ẢNH NHÃN SẢN PHẨM



THÀNH

Số/No: 18 / 959 / TN 8 / 4

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử / Sample name: **Mỹ Tokyo vị gà**
 2. Khách hàng / Customer: **Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ TVV Việt Nam**
 3. Số lượng mẫu / Quantity: **01 gói**
 4. Ngày nhận mẫu: 18/05/2018
 Date of receiving :
 5. Tình trạng mẫu / Status of sample: **Gói kín.**
 6. Thời gian thực hiện / Test duration: **Từ ngày/ From: 18/ 05/ 2018 đến ngày/ to: 31/ 05/ 2018**

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Phương pháp thử Test method	Kết quả Results
1.	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	ISO 4833-1:2013
2.	Coliforms ,	MPN/g	ISO 4831:2006
3.	E.coli ,	MPN/g	ISO 7251:2005
4.	Cl. perfringens ,	CFU/g	ISO 7937:2004
5.	St. aureus ,	MPN/g	ISO 6888-3:2003
6.	B. cereus ,	CFU/g	ISO 7932:2004
7.	Tổng số nấm men mốc ,	CFU/g	ISO 21527-1,2-2008
8.	Hàm lượng Aflatoxin B1,	µg/kg	TK TCVN 7930: 2008
9.	Hàm lượng aflatoxin tổng số, (Aflatoxin B1 B2 G1 G2)	µg/kg	TK TCVN 7930:2008
10.	Hàm lượng Chì (Pb),	mg/kg	AOAC 999.10: 2012
11.	Hàm lượng Cadimi,	mg/kg	AOAC 999.10: 2012
12.	Hàm lượng Asen,	mg/kg	AOAC 986.15: 2012
13.	Hàm lượng Ochratoxin A,	µg/kg	TK TCVN 8426:2010
14.	Hàm lượng Deoxynivalenol,	µg/kg	TN4/HD/N3-206
15.	Hàm lượng Zearalenone,	µg/kg	LC/MS/MS
		TN4/HD/N3-193	LC/MS/MS

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM VI SINH
 Head of Micro. Lab

Lê Thị Thúy Hằng

Hà Nội, ngày 08/6 / 2018
GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

Đàm Đức Thu

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.